

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ thanh toán quốc tế - MH1104235

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110423501 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 9/11/2026 Giờ thi: 16h Phòng thi: A11

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	C26LG1				
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1	An	5	năm	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1	Bu	6.5	sáu, năm	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1	Bu	10	mười	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1	Bu	9	chín	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1	Mu	9	chín	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1	D	8	tám	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1	G	6	sáu	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1	H	8	tám	
10	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	C26LG1	K	5	năm	
11	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1	K	6	sáu	
12	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1	K	5	năm	
13	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1	L	10	mười	
14	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1	N	10	mười	
15	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1	N	6	sáu	
16	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1	T	6	sáu	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1	T	5.5	năm, năm	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1	T	9.5	chín, năm	
19	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1	T	6.5	sáu, năm	
20	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1	T	10	mười	
21	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1	T	7.5	bảy, năm	
22	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	C26LG1	T	6.5	sáu, năm	
23	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1	T	9.5	chín, năm	
24	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1	U	4.5	bốn, năm	
25	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1	V	8	tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 1 . Số bài thi: 24 / 24 .

Ngày 21 tháng 1 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày 20 tháng 1 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Thị Hoàng Linh

TRƯỚC
PHC
VÀ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ thanh toán quốc tế - MH1104235

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110423501 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 6/3/2025 Giờ thi: 16h Phòng thi: A1.11

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu	An	09/10/2005	C26LG1				
2	2410150015	Nguyễn Nhật	An	18/10/2006	C26LG1	<i>Ch</i>	6,5	Sáu, năm	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc	Bảo	14/05/2006	C26LG1	<i>Qu</i>	7	bảy	
4	2410150016	Lê Trần Gia	Bảo	14/08/2006	C26LG1	<i>Meu</i>	8,5	tám, năm	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc	Diệu	22/10/2006	C26LG1	<i>S</i>	6	Sáu	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/10/2004	C26LG1	<i>nh</i>	8,5	tám, năm	
7	2410150004	Nguyễn	Đạt	29/7/2006	C26LG1	<i>D</i>	8	tám	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng	Gia	09/01/2005	C26LG1	<i>Go</i>	6,5	Sáu, năm	
9	2410150022	Trần Gia	Hân	26/08/2006	C26LG1	<i>Q</i>	5,5	năm, năm	
10	2410150030	Nguyễn Thanh	Khiêm	14/10/2006	C26LG1	<i>Th</i>	6,5	Sáu, năm	
11	2410150021	Lê Bá Đăng	Khoa	18/12/2006	C26LG1	<i>Kho</i>	8	tám	
12	2410150023	Phạm Anh	Khôi	23/10/2006	C26LG1	<i>Ph</i>	6	Sáu	
13	2410150013	Võ Thị Kiều	Lam	20/11/2006	C26LG1	<i>V</i>	6,5	Sáu, năm	
14	2410150011	Phạm Thị Yến	Nhi	22/09/2006	C26LG1	<i>Ph</i>	6,5	Sáu, năm	
15	2410150020	Lê Hữu	Nhật	19/10/2005	C26LG1	<i>Phu</i>	5,5	năm, năm	
16	2410150024	Nguyễn Minh	Tấn	02/05/2006	C26LG1	<i>T</i>	6,5	Sáu, năm	
17	2410150018	Nguyễn Ngọc	Thảo	27/10/2006	C26LG1	<i>Th</i>	5,5	năm, năm	
18	2410150009	Phạm Thị Thạch	Thảo	31/10/2006	C26LG1	<i>Ph</i>	7,5	bảy, năm	
19	2410010013	Ngô Thiên	Thuận	10/11/2006	C26LG1	<i>Thue</i>	6,5	Sáu, năm	
20	2410150002	Lê Anh	Thư	19/01/2003	C26LG1	<i>Th</i>	8,5	tám, năm	
21	2410150029	Trần Thị Thanh	Trúc	22/07/2005	C26LG1	<i>Thanh</i>	8	tám	
22	2410150010	Nguyễn Đăng	Trường	12/10/2003	C26LG1	<i>Tr</i>	8	tám	
23	2410150025	Ông Thị Mỹ	Tú	25/10/2006	C26LG1	<i>Thy</i>	6	Sáu	
24	2410150006	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	23/04/2006	C26LG1	<i>U</i>	7	bảy	
25	2410150017	Phạm Ngọc Đan	Vy	23/08/2006	C26LG1	<i>V</i>	8	tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 1 . Số bài thi: 24 / 24 .

Ngày 12 tháng 3 năm 2026 .

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

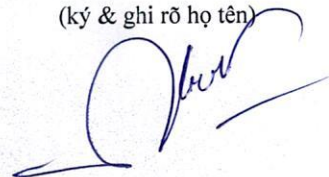
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày 12 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lưu Ng. Hoa Linh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ thanh toán quốc tế - MH1104235

Mã lớp học phần: 25211MH110423501 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Ngày thi: 9/1/2026 Giờ thi: 16h Phòng thi: A11

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		5	năm	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/2006	C26LG2				
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng	18/02/2003	C26LG2		9	chín	
4	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		7	bảy	
5	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		5	năm	
6	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		7	bảy	
7	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		6	sáu	
8	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		6	sáu	
9	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		6	sáu	
10	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		6	sáu	
11	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
12	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		5	năm	
13	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2				
14	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		7	bảy	
15	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		4	bốn	
16	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		4	bốn	
17	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		5	năm	
18	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		9	chín	
19	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		7	bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 3 Số bài thi: 14 / 14

Ngày: 9/1/2026 tháng 1 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 9/1/2026 tháng 1 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Nguyễn Hoài Linh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ thanh toán quốc tế - MH1104235

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110423501 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 6/3/2026 Giờ thi: 16h Phòng thi: A111

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	C26LG2		6,5	Sáu, năm	
2	2410150049	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/11/2006	C26LG2				
3	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	C26LG2		7	bảy	
4	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	C26LG2		5,5	năm, năm	
5	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006	C26LG2		7	bảy	
6	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	C26LG2		7	bảy	
7	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	C26LG2		6	Sáu	
8	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	C26LG2		7	bảy	
9	2410150038	Nguyễn Thành Luông	06/03/2006	C26LG2		7	bảy	
10	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	C26LG2		6,5	Sáu, năm	
11	2410150050	Phan Yến Nhi	20/12/2005	C26LG2				
12	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhựt	30/08/2006	C26LG2		6,5	Sáu, năm	
13	2410150055	Nguyễn Trần Minh Tân	05/06/2005	C26LG2				
14	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	C26LG2		6,5	Sáu, năm	
15	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	C26LG2		7	bảy	
16	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	C26LG2		6,5	Sáu, năm	
17	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	C26LG2		6	Sáu	
18	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	C26LG2		7	bảy	
19	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	C26LG2		6	Sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 3 Số bài thi: 16 / 16

Ngày: 13 tháng 3 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 12 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lương Ng. Hoài Linh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ thanh toán quốc tế - MH1104235

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110423501 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 6/3/2026 Giờ thi: 16h Phòng thi: A1.11

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150014	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/05/2005	C25LG1		7	lấy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 Số bài thi: 1 / 1

Ngày: 11 tháng 3 năm 2026

Ngày: 12 tháng 3 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

 Trần Thị Hoa

 Lương Nguyễn Hoài Linh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ thanh toán quốc tế - MH1104235

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110423501 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh - (04131)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 9/11/2024 Giờ thi: 16h Phòng thi: A111

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310150014	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/05/2005	C25LG1		5	năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 Số bài thi: 1 / 1

Ngày: 11 tháng 11 năm 2024

Ngày: 10 tháng 11 năm 2024

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

 Trần Phi Sơn

 Lương Ng. Hoài Linh

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Nghiệp vụ thanh toán quốc tế - MH1104235

Giám thị 1: Trần Thị Hoa

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25211MH110423501 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Lê Thành Huy

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Lương Nguyễn Hoài Linh

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 31/03/2026 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006					C26LG1	
2	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006					C26LG2	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006					C26LG1	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006					C26LG1	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006					C26LG1	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004					C26LG1	
7	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003					C26LG2	
8	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006					C26LG1	
9	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005					C26LG1	
10	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006					C26LG2	
11	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006					C26LG1	
12	2410150044	Trịnh Nguyễn Đức Hòa	24/05/2006					C26LG2	VT
13	2410100011	Phạm Văn Khải	21/10/2005					C26LG2	
14	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006					C26LG2	
15	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006					C26LG1	
16	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006					C26LG1	
17	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006					C26LG1	
18	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006					C26LG1	
19	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006					C26LG2	
20	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006					C26LG2	
21	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006					C26LG1	
22	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005					C26LG1	
23	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhật	30/08/2006					C26LG2	
24	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006					C26LG1	
25	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006					C26LG1	
26	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006					C26LG1	
27	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006					C26LG2	
28	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006					C26LG1	
29	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003					C26LG1	
30	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005					C26LG2	
31	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006					C26LG2	
32	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005					C26LG1	
33	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003					C26LG1	
34	2310150014	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/05/2005					C25LG1	
35	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006					C26LG1	
36	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006					C26LG1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
37	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004					C26LG2	
38	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006					C26LG2	
39	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006					C26LG1	
40	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006					C26LG2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

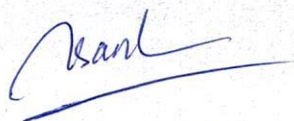
Tổng số sinh viên dự thi: 39 vắng thi: 01. Số bài thi/Số tờ: 39 / 1.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 4 tháng 4 năm 2026

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Hoa

Ngày: 4 tháng 4 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Thị Hoài Huệ



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2025-2026

Môn học: Nghiệp vụ thanh toán quốc tế

Mã bài thi: 5DC5CV

Thời gian thi: 31/03/2026 15:15:00

Thời gian kết thúc: 31/03/2026 16:15:00

Giám thị 1: Trần Thị Hoa Ký tên: Trần

Giám thị 2: Trần Thị Hoa Ký tên: Trần

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	<u>ay</u>	5.5	Năm, năm	C26LG1	
2	2410150041	Nguyễn Duyên Anh	28/05/2006	<u>ay</u>	6.5	Sáu, năm	C26LG2	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	<u>ay</u>	7	Bảy	C26LG1	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	<u>ay</u>	8	Tám	C26LG1	
5	2410150004	Nguyễn Đạt	29/07/2006	<u>ay</u>	9.8	Chín, tám	C26LG1	
6	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	<u>ay</u>	8.5	Tám, năm	C26LG1	
7	2410150043	Nguyễn Đức Hoàng Dương	18/02/2003	<u>ay</u>	8.5	Tám, năm	C26LG2	
8	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	<u>ay</u>	9	Chín	C26LG1	
9	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	<u>ay</u>	9.8	Chín, tám	C26LG1	
10	2410150031	Thị Cẩm Giang	04/11/2006	<u>ay</u>	9	Chín	C26LG2	
11	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	<u>ay</u>	7.5	Bảy, năm	C26LG1	
12	2410100011	Phan Văn Khải	21/10/2005	<u>ay</u>	7	Bảy	C26LG2	
13	2410150034	Huỳnh Thị Ngọc Khánh	10/09/2006	<u>ay</u>	7	Bảy	C26LG2	
14	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	<u>ay</u>	7	Bảy	C26LG1	
15	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	<u>ay</u>	7.8	Bảy, tám	C26LG1	
16	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	<u>ay</u>	8	Tám	C26LG1	
17	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	<u>ay</u>	9	Chín	C26LG1	
18	2410150039	Trần Hoàng Bảo Luân	18/06/2006	<u>ay</u>	7.5	Bảy, năm	C26LG2	
19	2410150036	Võ Thị Như Ngọc	10/06/2006	<u>ay</u>	6.5	Sáu, năm	C26LG2	
20	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	<u>ay</u>	6.2	Sáu, hai	C26LG1	
21	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005	<u>ay</u>	5.5	Năm, năm	C26LG1	
22	2410150045	Nguyễn Phan Minh Nhật	30/08/2006	<u>ay</u>	5.5	Năm, năm	C26LG2	
23	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	<u>ay</u>	6	Sáu	C26LG1	
24	2410150032	Danh Thị Hồng Thái	24/07/2006	<u>ay</u>	4	Bốn	C26LG2	
25	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	<u>ay</u>	5.8	Năm, tám	C26LG1	
26	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	<u>ay</u>	6.5	Sáu, năm	C26LG1	
27	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	<u>ay</u>	9.5	Chín, năm	C26LG1	
28	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	<u>ay</u>	7.2	Bảy, hai	C26LG1	
29	2410150047	Đặng Thị Mỹ Tiên	22/05/2005	<u>ay</u>	5.2	Năm, hai	C26LG2	
30	2410150051	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	25/12/2006	<u>ay</u>	6.5	Sáu, năm	C26LG2	
31	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	<u>ay</u>	9.2	Chín, hai	C26LG1	
32	2410150010	Nguyễn Đăng Trường	12/10/2003	<u>ay</u>	7.8	Bảy, tám	C26LG1	
33	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	<u>ay</u>	4.2	Bốn, hai	C26LG1	
34	2310150014	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26/05/2005	<u>ay</u>	5.2	Năm, hai	C25LG1	
35	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	<u>ay</u>	3.5	Ba, năm	C26LG1	
36	2410160018	Nguyễn Thị Kiều Vi	20/08/2006	<u>ay</u>	7.8	Bảy, tám	C26LG2	
37	2410170040	Nguyễn Khánh Vi	18/12/2004	<u>ay</u>	7.2	Bảy, hai	C26LG2	
38	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	<u>ay</u>	6.8	Sáu, tám	C26LG1	
39	2410150033	Lê Nguyễn Như Ý	17/02/2006	<u>ay</u>	8.8	Tám, tám	C26LG2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 39

Số sinh viên đạt: 38

Ngày 4 tháng 4 năm 2026

1. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

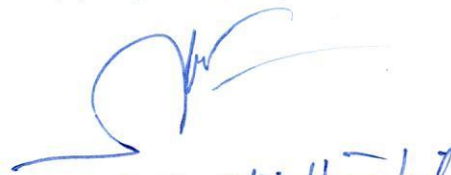


Trần Phú Hòa

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Thị Hòa Huệ